

BẢNG GIÁ SẢN PHẨM ỐNG NHỰA PPR 1 LỚP

(Thực hiện từ ngày 05/05/2026 đến khi có thông báo thay đổi)

STT	ĐƯỜNG KÍNH DANH NGHĨA (MM)	ÁP SUẤT (PN)	CHIỀU DÀY (MM)	ĐVT	ĐƠN GIÁ (VNĐ/MÉT)	
					TRƯỚC VAT	THANH TOÁN (đã bao gồm 8% thuế GTGT)
1	20	PN10	2.3	m	30,600	33,048
2	20	PN16	2.8	m	34,200	36,936
3	20	PN20	3.4	m	38,000	41,040
4	20	PN25	4.1	m	42,000	45,360
5	25	PN10	2.8	m	54,800	59,184
6	25	PN16	3.5	m	63,000	68,040
7	25	PN20	4.2	m	66,600	71,928
8	25	PN25	5.1	m	69,700	75,276
9	32	PN10	2.9	m	71,000	76,680
10	32	PN16	4.4	m	85,400	92,232
11	32	PN20	5.4	m	98,000	105,840
12	32	PN25	6.5	m	107,700	116,316
13	40	PN10	3.7	m	95,200	102,816
14	40	PN16	5.5	m	115,600	124,848
15	40	PN20	6.7	m	151,700	163,836
16	40	PN25	8.1	m	164,600	177,768
17	50	PN10	4.6	m	139,600	150,768
18	50	PN16	6.9	m	183,800	198,504
19	50	PN20	8.3	m	235,700	254,556
20	50	PN25	10.1	m	262,500	283,500
21	63	PN10	5.8	m	221,800	239,544
22	63	PN16	8.6	m	288,800	311,904
23	63	PN20	10.5	m	371,300	401,004
24	63	PN25	12.7	m	413,400	446,472

CÔNG TY CỔ PHẦN PMT.P&E



PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Quang Trường

BẢNG GIÁ SẢN PHẨM ỐNG NHỰA PPR 2 LỚP KHÁNG KHUẨN

(Thực hiện từ ngày 05/05/2026 đến khi có thông báo thay đổi)

STT	ĐƯỜNG KÍNH DANH NGHĨA (MM)	ÁP SUẤT (PN)	CHIỀU DÀY (MM)	ĐVT	ĐƠN GIÁ (VNĐ/MÉT)	
					TRƯỚC VAT	THANH TOÁN (đã bao gồm 8% thuế GTGT)
1	20	PN10	2.3	m	36,000	38,880
2	20	PN16	2.8	m	40,200	43,416
3	20	PN20	3.4	m	44,600	48,168
4	20	PN25	4.1	m	49,400	53,352
5	25	PN10	2.8	m	64,400	69,552
6	25	PN16	3.5	m	74,100	80,028
7	25	PN20	4.2	m	78,300	84,564
8	25	PN25	5.1	m	81,900	88,452
9	32	PN10	2.9	m	83,500	90,180
10	32	PN16	4.4	m	100,400	108,432
11	32	PN20	5.4	m	115,200	124,416
12	32	PN25	6.5	m	126,600	136,728
13	40	PN10	3.7	m	111,900	120,852
14	40	PN16	5.5	m	135,900	146,772
15	40	PN20	6.7	m	178,400	192,672
16	40	PN25	8.1	m	193,600	209,088
17	50	PN10	4.6	m	164,200	177,336
18	50	PN16	6.9	m	216,200	233,496
19	50	PN20	8.3	m	277,200	299,376
20	50	PN25	10.1	m	308,800	333,504
21	63	PN10	5.8	m	260,900	281,772
22	63	PN16	8.6	m	339,700	366,876
23	63	PN20	10.5	m	436,800	471,744
24	63	PN25	12.7	m	486,300	525,204

CÔNG TY CỔ PHẦN PMT.P&E



PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Quang Trường

BẢNG GIÁ SẢN PHẨM PHỤ KIỆN ỚNG NHỰA PPR

(Thực hiện từ ngày 05/05/2026 đến khi có thông báo thay đổi)

STT	TÊN SẢN PHẨM	ĐƯỜNG KÍNH DANH NGHĨA (MM)	ÁP SUẤT (PN)	ĐVT	ĐƠN GIÁ	
					TRƯỚC VAT	THANH TOÁN (đã bao gồm 8% thuế GTGT)
1	Đầu nối thẳng	20	PN25	cái	4,000	4,320
2	Đầu nối thẳng	25	PN25	cái	6,700	7,236
3	Đầu nối thẳng	32	PN25	cái	10,400	11,232
4	Đầu nối thẳng	40	PN25	cái	16,600	17,928
5	Đầu nối thẳng	50	PN25	cái	29,700	32,076
6	Đầu nối ren trong	20-1/2"	PN25	cái	70,200	75,816
7	Đầu nối ren trong	25-1/2"	PN25	cái	85,900	92,772
8	Đầu nối ren trong	25-3/4"	PN25	cái	95,800	103,464
9	Đầu nối ren trong	32-1"	PN25	cái	156,200	168,626
10	Đầu nối ren trong	40-1.1/4"	PN25	cái	386,800	417,744
11	Đầu nối ren trong	50-1.1/2"	PN25	cái	513,200	554,256
12	Đầu nối ren ngoài	25-1/2"	PN25	cái	102,500	110,700
13	Đầu nối ren ngoài	25-3/4"	PN25	cái	123,700	133,596
14	Đầu nối ren ngoài	32-1"	PN25	cái	182,800	197,424
15	Đầu nối ren ngoài	40-1.1/4"	PN25	cái	531,700	574,236
16	Đầu nối ren ngoài	50-1.1/2"	PN25	cái	664,500	717,660
17	Zắc co nhựa	20	PN25	cái	49,100	53,028
18	Zắc co nhựa	25	PN25	cái	72,400	78,192
19	Zắc co nhựa	32	PN25	cái	104,200	112,536
20	Zắc co nhựa	40	PN25	cái	119,600	129,168
21	Zắc co nhựa	50	PN25	cái	179,700	194,076
22	Zắc co nhựa	63	PN25	cái	416,100	449,388
23	Zắc co ren trong	20-1/2"	PN25	cái	234,000	252,720
24	Zắc co ren trong	25-3/4"	PN25	cái	374,700	404,676
25	Zắc co ren trong	32-1"	PN25	cái	549,200	593,136
26	Zắc co ren trong	40-1.1/4"	PN25	cái	860,500	929,340
27	Zắc co ren trong	50-1.1/2"	PN25	cái	1,498,800	1,618,704
28	Zắc co ren ngoài	20-1/2"	PN25	cái	249,600	269,568

 25007305
 CÔNG TY CỔ PHẦN PMT.P&E
 TAM DƯƠNG

STT	TÊN SẢN PHẨM	ĐƯỜNG KÍNH DANH NGHĨA (MM)	ÁP SUẤT (PN)	ĐVT	ĐƠN GIÁ	
					TRƯỚC VAT	THANH TOÁN (đã bao gồm 8% thuế GTGT)
29	Zắc co ren ngoài	25-3/4"	PN25	cái	389,000	420,120
30	Zắc co ren ngoài	32-1"	PN25	cái	611,400	660,312
31	Zắc co ren ngoài	40-1.1/4"	PN25	cái	907,000	979,560
32	Zắc co ren ngoài	50-1.1/2"	PN25	cái	1,600,900	1,728,972
33	Đầu nối chuyển bậc	25-20	PN25	cái	6,200	6,696
34	Đầu nối chuyển bậc	32-20	PN25	cái	8,800	9,504
35	Đầu nối chuyển bậc	32-25	PN25	cái	8,800	9,504
36	Đầu nối chuyển bậc	40-20	PN25	cái	13,600	14,688
37	Đầu nối chuyển bậc	40-25	PN25	cái	13,600	14,688
38	Đầu nối chuyển bậc	40-32	PN25	cái	13,600	14,688
39	Đầu nối chuyển bậc	50-20	PN25	cái	24,500	26,460
40	Đầu nối chuyển bậc	50-25	PN25	cái	24,500	26,460
41	Đầu nối chuyển bậc	50-32	PN25	cái	24,500	26,460
42	Nối góc 45 độ	20	PN25	cái	6,200	6,696
43	Nối góc 45 độ	25	PN25	cái	10,100	10,908
44	Nối góc 45 độ	32	PN25	cái	15,100	16,308
45	Nối góc 45 độ	40	PN25	cái	29,800	32,184
46	Nối góc 45 độ	50	PN25	cái	57,000	61,560
47	Nối góc 90 độ	20	PN25	cái	7,600	8,208
48	Nối góc 90 độ	25	PN25	cái	10,100	10,908
49	Nối góc 90 độ	32	PN25	cái	17,600	19,008
50	Nối góc 90 độ	40	PN25	cái	28,500	30,780
51	Nối góc 90 độ	50	PN25	cái	50,000	54,000
52	Nối góc 90 độ ren trong	20-1/2"	PN25	cái	78,100	84,348
53	Nối góc 90 độ ren trong	25-1/2"	PN25	cái	88,700	95,796
54	Nối góc 90 độ ren trong	25-3/4"	PN25	cái	119,500	129,060
55	Nối góc 90 độ ren trong	32-1"	PN25	cái	220,600	238,248
56	Nối góc 90 độ ren ngoài	20-1/2"	PN25	cái	109,900	118,692
57	Nối góc 90 độ ren ngoài	25-1/2"	PN25	cái	124,200	134,136
58	Nối góc 90 độ ren ngoài	25-3/4"	PN25	cái	146,800	158,544
59	Nối góc 90 độ ren ngoài	32-1"	PN25	cái	233,700	252,396
60	Ba chạc 90 độ	20	PN25	cái	8,800	9,504
61	Ba chạc 90 độ	25	PN25	cái	13,600	14,688
62	Ba chạc 90 độ	32	PN25	cái	22,400	24,192
63	Ba chạc 90 độ	40	PN25	cái	34,900	37,692
64	Ba chạc 90 độ	50	PN25	cái	68,600	74,088
65	Ba chạc 90 độ ren trong	20-1/2"	PN25	cái	78,800	85,104

44
 TỶ
 AN
 P&P
 G-T.

STT	TÊN SẢN PHẨM	ĐƯỜNG KÍNH DANH NGHĨA (MM)	ÁP SUẤT (PN)	ĐVT	ĐƠN GIÁ	
					TRƯỚC VAT	THANH TOÁN (đã bao gồm 8% thuế GTGT)
66	Ba chạc 90 độ ren trong	25-1/2"	PN25	cái	84,200	90,936
67	Ba chạc 90 độ ren trong	25-3/4"	PN25	cái	122,900	132,732
68	Ba chạc 90 độ ren trong	32-1"	PN25	cái	268,000	289,440
69	Ba chạc 90 độ ren trong	50-3/4"	PN25	cái	516,800	558,144
70	Ba chạc 90 độ ren ngoài	20-1/2"	PN25	cái	97,000	104,760
71	Ba chạc 90 độ ren ngoài	25-1/2"	PN25	cái	105,300	113,724
72	Ba chạc 90 độ ren ngoài	25-3/4"	PN25	cái	127,300	137,484
73	Ba chạc 90 độ ren ngoài	32-1"	PN25	cái	267,700	289,116
74	Ba chạc 90 độ chuyển bậc	25-20	PN25	cái	13,600	14,688
75	Ba chạc 90 độ chuyển bậc	32-20	PN25	cái	24,000	25,920
76	Ba chạc 90 độ chuyển bậc	32-25	PN25	cái	24,000	25,920
77	Ba chạc 90 độ chuyển bậc	40-20	PN25	cái	52,700	56,916
78	Ba chạc 90 độ chuyển bậc	40-25	PN25	cái	52,700	56,916
79	Ba chạc 90 độ chuyển bậc	40-32	PN25	cái	52,700	56,916
80	Ba chạc 90 độ chuyển bậc	50-20	PN25	cái	92,500	99,900
81	Ba chạc 90 độ chuyển bậc	50-25	PN25	cái	92,500	99,900
82	Ba chạc 90 độ chuyển bậc	50-32	PN25	cái	92,500	99,900
83	Ba chạc 90 độ chuyển bậc	50-40	PN25	cái	92,500	99,900
84	Van cửa PPR (mở 100%)	20	PN25	cái	369,200	398,736
85	Van cửa PPR (mở 100%)	25	PN25	cái	424,600	458,568
86	Van cửa PPR (mở 100%)	32	PN25	cái	609,200	657,936
87	Van cửa PPR (mở 100%)	40	PN25	cái	1,025,400	1,107,432
88	Van cửa PPR (mở 100%)	50	PN25	cái	1,599,000	1,726,920
89	Đầu bịt	20	PN25	cái	3,800	4,104
90	Đầu bịt	25	PN25	cái	6,500	7,020
91	Đầu bịt	32	PN25	cái	8,500	9,180
92	Đầu bịt	40	PN25	cái	12,800	13,824
93	Đầu bịt	50	PN25	cái	24,000	25,920
94	Ống tránh	20	PN25	cái	19,500	21,060
95	Ống tránh	25	PN25	cái	36,300	39,204

CÔNG TY CỔ PHẦN PMT.P&E



PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Quang Trường